

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ngô Thị Hằng

2. Bà Lê Thị Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị M, Sinh năm 1987

Nơi cư trú: 126 đường Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, Sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: 126 đường Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh L (anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/4/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác anh L không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình. Ngày 27/10/2020 chị đã đưa con gái về gia đình bên ngoại ở, anh L đưa con trai về gia đình bên nội ở thôn L,

xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017. Hiện nay cháu Hà A đang ở với chị, cháu Gia H đang ở với anh L. Nếu được ly hôn chị xin nuôi cháu Hà A để cháu Gia H cho anh L nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền tuôi con chung với ai.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/4/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại số nhà 126 đường Đ, phường B, thành phố T. Đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ngày 27/10/2020 chị M đã đưa con gái về nhà ngoại ở, anh đưa con trai về gia đình bên nội ở thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh xét thấy vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh không đồng ý ly hôn với chị M, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con. Không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền tuôi con chung với anh.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại thôn L, xã Q: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống tại thành phố T. Đến cuối năm 2020 anh L và con trai về nhà bố, mẹ là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị K ở thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ở cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh L tại tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017. Nếu anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản và công nợ: địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của đương sự đúng theo quy định

của pháp luật, Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017. Hiện nay cháu Hà A đang ở với chị M, cháu Gia H đang ở với anh L. Giao cháu Hà A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Gia H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với ai. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]*Về tố tụng*: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố T. Hiện nay anh L đang cư trú tại nhà bố, mẹ đẻ ở thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị M xin ly hôn anh L tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh L có đơn xin xét xử vắng mặt và có nguyện vọng xin nuôi cháu Gia H để cháu Hà A cho chị M nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân*: Chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/4/2010 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị M là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác anh L không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình. Ngày 27/10/2020 chị đã đưa con gái về gia đình bên ngoại ở, anh L đưa con trai về gia đình bên nội ở thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

*Anh L thừa nhận*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ngày 27/10/2020 chị M đã đưa cháu Hà A về nhà ngoại ở, anh đưa cháu Gia H về gia đình bên ngoại ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặc dù như vậy nhưng anh xét thấy anh vẫn còn yêu thương chị M, chị M xin ly hôn anh tại Tòa án huyện Quảng Xương, anh không đồng ý. Anh muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng anh, chị cải thiện tình cảm; tuy nhiên, anh L vẫn không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ, chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh, chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài từ tháng 10/2020 đến nay. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị M.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017. Anh L thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày là đúng.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh L, chị M là hoàn toàn chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Hiện nay cháu Hà A đang ở với chị M, cháu Gia H đang ở với anh L, các cháu đang có cuộc sống ổn định nơi ăn chốn ở, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cho anh L, chị M mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị M, anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5]*Về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị M

**Xử:**

1. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hà A, sinh ngày 27/11/2010, Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 25/01/2017.

Giao cháu Hà A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Gia H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

Anh L, chị M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị M, anh L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 9299 ngày

11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**